TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **187**/2018/HC-PT
Ngày: 06/11/2018
V/v: "Kiện hành vi hành chính trong vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông: **Trần Quốc Cường**

Ông: **Lê Tự**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Hải Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 215/2018/TLPT-HC ngày 28/8/2018 về:*"Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215A/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1953; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy ủy quyền ngày 27/12/2017). Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chủ tịch UBND huyện E. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T – Phó Chủ tịch UBND

huyện E, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy ủy quyền số 114/UQ -UBND ngày 22/12/2017).Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Văn D, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn L, Phó giám đốc chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(Theo các văn bản số 976/UBND – TNMT ngày 22/12/2017 và văn bản số 402/UBND-CNTTPTQĐ ngày 28/5/2018). Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Vũ Đức H; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị B; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy ủy quyền ngày 27/12/2017). Có mặt.

**** Người làm chứng:***

- Ông Y; Địa chỉ: Buôn A2, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.Vắng mặt.

- Ông Trần Văn T; Địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị V; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức T1; Địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- Ông Thái Hồng M; Địa chỉ: tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

****Người kháng cáo:*** Người khởi kiện bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Hồ Thị B trình bày:*

Vào ngày 10/02/1989, ông Vũ Đức H là chồng của bà Nguyễn Thị D có mua đất của ông Y có chiều rộng 20 m, dài 55 m, tổng diện tích 1.100 m^2 nhưng không có tứ cận, vị trí đất cụ thể. Khi mua thì con đường phía trước nhà ông H, bà D rất nhỏ. Từ khi mua đất cho đến nay gia đình bà D, ông H đều ở ổn định không có tranh chấp với ai. Đất của ông H, bà D có chiều rộng là 20 m nhưng có 2,7 m là Nhà nước lấy đất để làm đường N, phần còn lại 17,3 m^2 thì năm 2000 vợ chồng bà D đã bán cho ông Thái Hồng M diện tích đất có chiều rộng 4,3 m, chiều dài 33 m, bán cho bà Trần Thị V diện tích đất có chiều rộng 8 m (mặt đường A), chiều dài 33 m (mặt đường N), bán cho ông Nguyễn Đức T1 là 7 m chiều ngang mặt đường N và chiều dài là 17,3 m và một phần còn lại do nhà vợ chồng bà D đang ở (sau đó ông Thái Hồng M và bà Trịnh Thị V đã bán lại diện tích đất trên cho ông Trần Văn C, còn ông C thì bán lại cho ông Trần Văn T, đến hiện nay thì ông Trần Văn T đang sử dụng). Như vậy, đất mà vợ

chồng bà D đang sử dụng để xây nhà ở là 5 m, chiều dài là 38,75 m. Đến năm 1995, 1998 thì gia đình bà D đã di dời và sử dụng đất để xây nhà cửa ổn định và ở trên đất như hiện nay.

Đến năm 2009, 2010 UBND huyện E thực hiện dự án xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên đã lấy của gia đình ông H, bà D đất có chiều sâu 9,25 m theo hướng mặt đường N và chiều ngang theo mặt đường A là 20 m (diện tích đất bị thu hồi là 9,25 m x 20 m = 185 m^2), UBND huyện E lấy đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần đất xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk của gia đình ông H, bà D.

Vào thời điểm năm 2016, khi các hộ dân lân cận đi nhận tiền bồi thường đất thì gia đình bà Nguyễn Thị D mới biết UBND huyện E lấy đất của gia đình bà để làm công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E nhưng không được bồi thường. Khoảng cuối năm 2016 gia đình bà D có làm đơn khiếu nại tới UBND huyện E nhưng UBND huyện E chỉ có công văn trả lời và cho rằng đất của gia đình ông H, bà D không thuộc trường hợp được bồi thường vì đất của gia đình bà không có đủ điều kiện bồi thường.

Nay, bà D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi đất và ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần đất xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk của gia đình bà D cụ thể có chiều ngang mặt đường N 9,25 m x 20 m chiều rộng mặt đường A = 185 m^2. Bà D không yêu cầu UBND huyện E phải bồi thường đối với phần chiều dài còn lại của mặt đường N là 45,75 m đã lấy đất làm đường.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện E ông Nguyễn Đình Toản trình bày:*

Việc bà Nguyễn Thị D yêu cầu UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần đất xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk của gia đình bà vì cho rằng UBND huyện E đã lấy đất của gia đình bà để làm đường A là không có cơ sở pháp lý. Bởi lẽ, trên cơ sở Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì UBND huyện đã giao các cơ quan chức năng thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thi công công trình theo đúng quy định của pháp luật. Khi Nhà nước thi công đường A - L, thị trấn E, huyện E đoạn đường qua nhà bà D chỉ thi công trên nền đường cũ đã có từ trước, nên không có việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị D.

Đồng thời, tại báo cáo số 09/BC-CNTTPTQĐ ngày 15/3/2017 và báo cáo

số 13/BC-CNPTQĐ ngày 23/4/2018 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã xác định rõ tại thời điểm có chủ trương thu hồi đất để xây dựng đường L - A, đã công khai rộng rãi trên địa bàn thị trấn E nhưng không nhận được ý kiến của hộ gia đình bà D về diện tích thu hồi để làm đường. Đồng thời khi thi công đường L - A đơn vị thi công làm trên nền đường cũ, không có cây cối, nhà cửa, vật kiến trúc hộ gia đình bà Nguyễn Thị D.

Tại Thông báo số 195/TB-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện E về việc đơn khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết vì hộ bà Nguyễn Thị D không có tên trong Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND huyện E về việc phê duyệt Phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L và Danh sách chi tiết các hộ bồi thường, hỗ trợ công trình đường A - L - Thị trấn E.

** Tại bản tự khai ngày 22/12/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Đức H trình bày:*

Vào ngày 10/02/1989, gia đình ông được gia đình ông Y nhượng lại một miếng đất thổ cư có tổng diện tích 1100 m^2, với tứ cận là: Phía Đông giáp gia đình bà Dạ M 20 m, phía Tây giáp đường A 20 m, phía Nam giáp đường N là 55 m, phía Bắc giáp nhà ông Q là 55 m. Gia đình ông sử dụng từ năm 1989 cho đến nay không có tranh chấp với bất kỳ ai. Vào năm 2010 Nhà nước nâng cấp đường A - L có lấn đất của gia đình ông nhưng không thu hồi đất và bồi thường như các hộ gia đình khác nên ông yêu cầu UBND huyện E phải ra Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường như đơn khởi kiện của vợ ông là bà D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất và ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất xây dựng công trình đường A - L của gia đình bà có diện tích 185 m^2 với chiều sâu 9,25 m, chiều rộng 20 m.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/7/2018, bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo.

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện, bà Nguyễn Thị D, nhận thấy: Nguồn gốc đất mà vợ chồng ông Vũ Đức H, bà Nguyễn Thị D đang sử dụng là nhận chuyển nhượng của ông Y vào tháng 02/1989 với diện tích ghi trong giấy chuyển nhượng là 1.100 m^2; chiều rộng 20 m, chiều dài 55 m. Tuy nhiên không ghi rõ tứ cận, mốc giới, ranh giới và cũng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực hay xác nhận.

Ngày 25/02/2009, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 429/QĐ-UBND, V/v phê duyệt dự án xây dựng công trình đường A - L; UBND huyện E đã giao các cơ quan chức năng thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thi công công trình. Ngày 25/10/2009, UBND thị trấn E có Thông báo số 01/TB-UBND, V/v đề nghị các hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống hai bên đường A - L phải cung cấp trung thực, chính xác về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm xây dựng công trình, cây cối, hoa màu trên đất và cung cấp các giấy tờ có liên quan đến vị trí lô đất nằm trong phạm vi giải tỏa, nhưng không nhận được ý kiến hoặc khiếu nại gì của hộ bà D và các hộ dân trong khu vực.

Theo báo cáo thẩm định tại chỗ đối với hộ bà Nguyễn Thị D ngày 23/4/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh E, Đắk Lắk: Khi thi công đường L - A đơn vị thi công làm trên nền đường cũ, không có cây cối, nhà cửa, vật kiến trúc của hộ bà D; điều đó chứng tỏ hộ bà D không sử dụng diện tích đất này. Mặt khác, nhà ở của bà D được xây dựng từ năm 1989, còn đường A - L được tiến hành nâng cấp mở rộng vào năm 2009; như vậy, hộ bà D xây dựng nhà trước khi UBND huyện E tiến hành xây dựng nâng cấp con đường. Việc gia đình bà D cho rằng trước đây xây dựng nhà ván sát với mặt đường A, nhưng có thông báo từ UBND thị trấn Ea Sup nên gia đình bà tự di dời và thụt vào phía sau, nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nội dung này.

Như vậy, việc gia đình bà D cho rằng UBND huyện E tiến hành xây dựng, nâng cấp đường A - L đã lấn chiếm diện tích đất của gia đình bà là 185 m^2 (chiều sâu 9,25 m; chiều rộng 20 m) là không có cơ sở. Do đó án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ, nên

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện E ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất xây dựng công trình đường A - L của gia đình bà có diện tích 185 m^2 (chiều sâu 9,25 m, chiều rộng 20 m).

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền số 0009182 ngày 03/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào